

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-5-2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2022/TLST-HN ngày 14 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn V, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Số 202/4, Ấp X, xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Số 202/4, Ấp X, xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trương Văn V là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông V và bà K kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào ngày 30/11/2006, chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không phù hợp nhau trong sinh hoạt và lối sống, vợ chồng vẫn sống chung nhà, nhưng đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống, nên ông V yêu cầu ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông V và bà K không có con chung.

Về tài sản chung: Ông V và bà K có 01 căn nhà cấp 4, ông V rút lại yêu cầu chia tài sản chung, ông V và bà K tự thỏa thuận giải quyết.

Bà Trần Thị K là bị đơn trình bày tại phiên hòa giải ngày 10 tháng 01 năm 2023 như sau:

Bà K không đồng ý với trình bày của ông V, vì từ ngày chung sống với nhau, ông V tự quyết tất cả các vấn đề, bà K không có quyền bàn bạc, trao đổi gì. Nay bà K không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân này, nên ông V yêu cầu ly hôn thì bà K đồng ý.

Về nuôi con chung: Bà K và ông V không có con chung.

Về tài sản chung: Ông V khai trình không đúng, khi chưa kết hôn, ông V không có nhà cửa, lương của ông V chỉ đủ để ông V sống và nuôi con gái đang học đại học. Năm 2006, khi kết hôn bà K đã chi tiền ra để làm nhà nhưng chưa tô. Đến năm 2013, bà K và ông V cùng chi tiền ra để tô hoàn thiện căn nhà như hiện nay. Nay ông V yêu cầu nhận nhà và thanh toán cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà thì bà K không đồng ý, vì bà K đã chi tiền ra để làm nhà. Bà K yêu cầu chia đôi căn nhà và đất bằng hiện vật, để bà K có nơi sinh sống, vì hiện nay bà K không có chỗ ở nào khác. Nếu ông V muốn bà K phải ra đi thì bà K yêu cầu ông V phải thanh toán cho bà K số tiền là 700.000.000 đồng, để bà K tạo chỗ ở khác.

Về nợ chung: Bà K và ông V không có nợ chung.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trương Văn V và bà Trần Thị K kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nay ông V yêu cầu ly hôn với bà K, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bà Trần Thị K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị K.

[3] Ông Trương Văn V và bà Trần Thị K chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V và bà K không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông V và bà K còn sống chung nhà, nhưng sống ly thân với nhau. Bà K không tham gia tố tụng, bà K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V, cho ông V ly hôn với bà K.

[4] Về con chung: Ông Trương Văn V và bà Trần Thị K không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông Trương Văn V đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Bà Trần Thị K đã nhận được thông báo về việc khởi kiện yêu cầu chia tài sản

chung, nhưng bà K không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông V. Các đương sự trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ông Trương Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, bà Trần Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn V, cho ông Trương Văn V ly hôn với bà Trần Thị K.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Trương Văn V.

3. Về án phí: Ông Trương Văn V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trương Văn V đã nộp theo biên lai thu số 0006474, ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Trả lại cho ông Trương Văn V số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006547, ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Bà Trần Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Ông Trương Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

****Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Hiệp Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng